

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 509/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Hẻm 42 đường L, Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Anh Trần Minh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Hẻm 42 đường L, Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Khánh L và anh Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 14 tháng 9 năm 2011.

Quá trình chung sống, Chị L và anh T đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 29/11/2012 và cháu Trần Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 23/11/2015. Cháu Trần Nguyễn Minh Kh và Trần Nguyễn Khánh Ng đều có nguyện vọng sống chung với Chị L khi cha mẹ ly hôn.

Khi ly hôn Chị L và anh T thống nhất thỏa thuận:

- Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh Kh và cháu Trần Nguyễn Khánh Ng cho Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị L và anh T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Chị L là người nộp tiền tạm ứng lệ phí và đồng ý chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5] Việc Chị L và anh T cùng yêu cầu ly hôn, không yêu cầu chia tài sản và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có đủ căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị L và anh T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Khánh L và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 29/11/2012 và cháu Trần Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 23/11/2015 cho Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án:

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, Chị L tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 000293 ngày 13/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị L và anh T đã nộp xong tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thành phố Pleiku (Giấy CNKH số 70 ngày 14/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Đình Nguyên

